

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRUNG TÂM GDTX - NN, TH TỈNH ĐẮK NÔNG

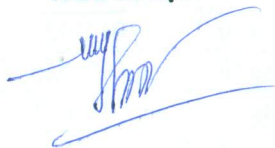
DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 04/VBHN-BGDĐT CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NĂM HỌC 2024-2025

STT	Họ và tên	Lớp	Dân tộc	Đối Tượng	Số tiền được hưởng 1 tháng	Số tháng được hưởng kỳ I	Số tháng được hưởng kỳ II	Tổng số tiền nhận hỗ trợ	Ghi chú
1	Phùng Văn Ân	12A1	Dao	Dân tộc, KV3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
2	Tô Trọng Bình	12A1	Nùng	Dân tộc, KV3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
3	Mùa Thị Cá	12A1	Mông	Dân tộc, KV3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
4	Hàng Thị Chiêu	12A1	H'Mông	Dân tộc, KV3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
5	Giàng A Chính	12A1	H'Mông	Dân tộc, KV3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
6	Hạng Thị Cú	12A1	H'Mông	Dân tộc, KV3, Nghèo	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
7	Hàng Thị Dưa	12A1	H'Mông	Dân tộc, KV3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
8	Hầu Thị Đâu	12A1	Mông	Dân tộc, KV3, Nghèo	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
9	Lang Văn Hào	12A1	Thái	Dân tộc, KV3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
10	Trần Thị Thái Hòa	12A1	Kinh	kv khó khăn	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
11	Vừ Thị Khóa	12A1	Mông	Dân tộc, KV3, Nghèo	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
12	Hạng Thị Lang	12A1	H'Mông	Dân tộc, KV3, Nghèo	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
13	Trương Thị Mai	12A1	H'Mông	Dân tộc, KV3, Nghèo	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
14	Đặng Văn Nghĩa	12A1	Dao	Dân tộc, KV3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
15	H' Noen	12A1	Mạ	Dân tộc, KV3, Nghèo	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
16	Giàng Thị Nú	12A1	H' Mông	Dân tộc, KV3, Nghèo	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
17	Ngũ Hồng Quân	12A1	Hoa	Dân tộc, KV3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
18	Hàng A Quý	12A1	H' Mông	Dân tộc, KV3, Nghèo	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
19	Lênh Phúc Sênh	12A1	Hoa	Dân tộc, KV3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
20	Dương Thành Tài	12A1	Kinh	Khu vực 3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
21	Trần Văn Tiến Thập	12A1	Kinh	Khu vực 3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
22	Cư Văn Tính	12A1	H'Mông	Dân tộc, KV3, Nghèo	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
23	Giàng A Tuấn	12A1	Mông	Dân tộc, KV3, Nghèo	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
24	Bàn Thanh Tùng	12A1	Dao	Dân tộc, KV3	150.000	0	4	600.000	Hưởng từ Tháng 01/2025
25	K'si Ven Srê Ú	12A1	M' Nông	Dân tộc, KV3	150.000	5	4	1.350.000	
26	Hoàng Anh Tuấn	12A1	Kinh	Khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
27	Nguyễn Huyền Bích Ngọc	12A2	Kinh	Hộ nghèo	150.000	5	4	1.350.000	
28	Hồ Đức Nhật	12A2	Hoa	Dân tộc, KV3	150.000	5	4	1.350.000	
29	Trần Thị Mỹ Duyên	12A2	Kinh	Khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Dân tộc	Đối Tượng	Số tiền được hưởng 1 tháng	Số tháng được hưởng kỳ I	Số tháng được hưởng kỳ II	Tổng số tiền nhận hỗ trợ	Ghi chú
30	Ngô Thị Mai Trang	12A2	Kinh	Khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
31	Giàng A Quảng	12A2	Mông	Hộ nghèo	150.000	5	4	1.350.000	
32	Đậu Thị Quỳnh Như	12A2	Kinh	Khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
33	Trương Thị Thanh Tâm	11A1	THổ	Hộ nghèo 2024	150.000	5	4	1.350.000	
34	Linh Hải Huyền	11A2	Tày	Hộ nghèo	150.000	5	4	1.350.000	
35	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	11A2	Kinh	Hộ nghèo	150.000	5	4	1.350.000	
36	Hạng Thị Ninh	11A2	Mông	DTTS ở khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
37	Giàng Thị Giương	11A2	Mông	Hộ nghèo 2024	150.000	5	4	1.350.000	
38	Chê Kim Phương	11A2	Hoa	DTTS ở khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
39	Đặng Thị Viên	11A2	Dao	DTTS ở khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
40	Đặng Thị Kim Huệ	11A2	Kinh	Khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
41	Thào Văn Bảo	11A3	Mông	DTTS ở khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
42	Nguyễn Anh Tú	11A3	Kinh	khu vực 3, cận nghèo 2024	150.000	5	4	1.350.000	
43	Vàng Thị Mao	11A3	Mông	DTTS ở khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
44	Nguyễn Thị Lan	11A3	kinh	hộ nghèo	150.000	5	4	1.350.000	
45	Đào Lệ Khuyên	11A3	kinh	Khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
46	Giàng Thị May Sao	11A4	Mông	Hộ nghèo 2024	150.000	5	4	1.350.000	
47	Lương Hoa Vy	10B1	Thái	DTTS ở khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
48	Nguyễn Minh Quân	10B2	Kinh	Khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
49	Nông Hương Ly	10B2	Tày	DTTS ở KV 3	150.000	5	4	1.350.000	
50	Hoàng Tú Nhi	10B2	Tày	DTTS ở khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
51	Hoàng Tuấn Vũ	10B2	Tày	Hộ nghèo 2024	150.000	5	4	1.350.000	
52	K'Trung	10B4	M'Nông	Hộ nghèo 2024	150.000	5	4	1.350.000	
53	Tổng Văn Việt Tiến	10B4	Kinh	Hộ nghèo 2024	150.000	5	4	1.350.000	
54	Ma Thị Tình	10B4	Tày	Hộ nghèo 2024	150.000	5	4	1.350.000	
55	Huỳnh Gia Huệ	10B4	Kinh	Khu vực 3	150.000	5	4	1.350.000	
Tổng cộng								56.250.000	

Đăk Nông, ngày 14 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI LẬP



Đoàn Thị Như

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Đức Ánh